

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 7 - 2018
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Nguyễn Viết Luận
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 9, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Hoàng Văn M - là bị đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 4 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong nhận thức và cách sống, anh M không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu và chửi bới chị nên vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã.

Chị đã bảo anh M nhiều lần nhưng không có kết quả, nên năm 2011 chị cùng hai con về nhà bố mẹ để chị ở xóm 7, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2011 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Theo anh M vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Tháng 4/2011 chị H có xin phép anh và gia đình anh về nhà bố mẹ để chơi sau đó ở đây luôn, không về chung sống với anh lần nào nữa, mặc dù nhiều lần anh có đến nói chuyện đề đón mẹ con chị H về nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với anh M, anh M không nhất trí vì xác định vẫn còn tình cảm với chị H, xin đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 14/02/2011. Hiện hai cháu đang ở với mẹ từ khi vợ chồng ly thân. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng. Anh M không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến nguyện vọng về con chung. Ý kiến của cháu Đ và cháu M đều xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, con riêng; chị H xác định hiện cũng không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Vợ chồng thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn M.

2. Con chung: Giao cháu Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 14/02/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, anh Hoàng Văn M có đơn kháng cáo với nội

dung không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không nhất trí ly hôn. Chị H nhất trí như bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử ly hôn giữa chị và anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn M trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn M không nhất trí ly hôn với chị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Anh M và chị H kết hôn tự nguyện, chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn tuy các bên đưa ra là khác nhau nhưng hai bên đều thừa nhận chị H cùng 2 con đã về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị H ở xóm 7, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam từ tháng 4/2011, không về chung sống với anh M nữa. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Căn cứ tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm xử ly hôn giữa chị H và anh M là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế. Tại phiên tòa phúc thẩm anh M giữ nguyên nội dung kháng cáo xong không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, kháng cáo của anh Hoàng Văn Mạnh không có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 14/02/2011. Hiện hai cháu đang ở với mẹ từ khi vợ chồng ly thân. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng. Anh M không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến nguyện vọng về con chung. Ý kiến của cháu Đ và cháu M đều xin ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn trong cuộc sống của các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được là phù hợp và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H theo sự tự nguyện của chị H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn M.

2. Con chung: Giao cháu Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 14/02/2001 và cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 14/02/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001312 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã nộp đủ.

Về án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Văn M phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Anh M được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001374 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh M đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San